SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

(Giấy CNĐKKD và ĐKT số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2005 và thay đổi lần thứ 5 ngày 22/04/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: 551/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 09 tháng 08 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. **Trụ sở Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí**
   - Số 2 Đặng Thái Thân, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2. **Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
   - 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
3. **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội**
   - 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông **Tăng Nguyên Ngọc** Số điện thoại: (04) 3826 5106

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

(Giấy chứng nhận ĐKKD và ĐKT số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2005 và thay đổi lần thứ 5 ngày 22/04/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	2.032.895 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	20.328.950.000 đồng (tính theo mệnh giá)

❖ **Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 12 Ngõ 2 Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3974 5081 Fax: (04) 3974 5083

❖ **Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372

Website: www.dag.vn Email: das@dag.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3 944 5176

Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: 110C Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3853 9623 Fax: (08) 3853 9624

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 6
3. Rủi ro đặc thù 7
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu của MIMECO 8
5. Rủi ro khác 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí 9
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á 9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 11
1.1. Giới thiệu về Công ty 11
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển 11
2. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của công ty 13
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty 14
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 15
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 18
5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần 18
5.2. Danh sách cổ đông sáng lập 18
5.3. Cơ cấu cổ đông 18
6. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 19
6.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí 19
6.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối 19
6.3. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí liên kết, liên doanh 19
7. Hoạt động kinh doanh 19
7.1. Sản phẩm dịch vụ chính 19
7.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm 22
7.3. Nguyên vật liệu 24
7.3.1. Nguồn nguyên vật liệu 24
7.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận 24

7.4. Chi phí sản xuất 25
7.5. Trình độ công nghệ 25
7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 29
7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm 31
7.8. Hoạt động Marketing 32
7.9. Nhãn hiệu thương mại 33
7.10. Danh mục các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện 33
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và Quý 1/2010 35
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008, 2009 và Quý 1/2010 35
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 35
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 36
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành 36
9.2. Triển vọng phát triển của ngành 36
9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới 38
10. Chính sách đối với người lao động 38
10.1. Thực trạng lao động 38
10.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động 39
11. Chính sách cổ tức 40
12. Tình hình hoạt động tài chính 40
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản 40
12.2. Thu nhập bình quân của người lao động 41
12.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn 41
12.4. Các khoản phải nộp theo luật định 41
12.5. Trích lập các quỹ 41
12.6. Tổng dư nợ vay 42
12.7. Tình hình công nợ hiện nay 42
12.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 43
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng 44
13.1. Hội đồng quản trị 44
13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Tăng Nguyên Ngọc 44
13.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đào Minh Sơn 46
13.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Tăng Minh Sơn 47
13.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Vũ Trường Sơn 48
13.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Xuân Quản 49
13.2. Ban Tổng Giám đốc 50
13.2.1. Tổng Giám đốc – Ông Tăng Nguyên Ngọc 50
13.2.2. Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Văn Dự 50
13.3. Ban kiểm soát 51
13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Quốc Đệ 51
13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Lương Văn Lĩnh 53
13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Trần Thị Liên An 54

13.4. Kế toán trưởng 55
14. Tài sản 55
14.1. Tài sản cố định hữu hình 55
14.2. Danh sách bất động sản của Công ty 55
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của MIMECO trong giai đoạn 2009 – 2011 55
16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 57
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 57
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 58
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 59
1. Loại chứng khoán 59
2. Mệnh giá 59
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 59
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 59
5. Phương pháp tính giá 59
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 60
7. Các loại thuế có liên quan 60
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT 61
1. Tổ chức kiểm toán 61
2. Tổ chức tư vấn 61
VII. PHỤ LỤC 61

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp, xây dựng, thép và hoá chất. Các ngành này tăng trưởng là tiền đề để các ngành khai thác khoáng sản phát triển.

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong thời gian qua với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao (bình quân 7,6% giai đoạn 2000 – 2007). Tuy nhiên, năm 2008, 2009 kinh tế Việt Nam bị sụt giảm do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế trên toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2008 và năm 2009 đã chựng lại ở mức 6,18% và 5,32%[1]. Khủng hoảng tài chính làm cho thị trường xuất khẩu bị thu hẹp do nhu cầu nhập khẩu khoáng sản và khả năng thanh toán tại các thị trường chủ lực (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan…) giảm. Giá hàng hóa xuất khẩu cũng giảm mạnh so với năm trước. Kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng khoáng sản năm 2009 đạt 8,51 tỷ USD giảm 34,1% so với năm 2008. Các yếu tố này đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản của MIMECO nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế đặt nhiều kỳ vọng vào sự hồi phục chung của nên kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2010. Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 6,5%[2]. Sáu tháng đầu năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước tăng 6,16% so với cùng kỳ năm trước. Nền kinh tế nước ta đang phục hồi nhanh và có khả năng đạt mức tăng trưởng cao hơn trong thời gian tới. Đây là những tín hiệu lạc quan cho hoạt động của các doanh nghiệp trong năm 2010.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của MIMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của MIMECO.

---

[1] Số liệu về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được lấy từ nguồn của Tổng cục Thống kê Việt Nam: www.gso.gov.vn

[2] Theo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 đăng tải trên website của Tổng cục Thống kê Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của MIMECO còn chịu sự điều chỉnh của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn. Khoáng sản là tài nguyên của quốc gia. Vì vậy, các quy định trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đang tiếp tục được hoàn thiện nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, hạn chế xuất khẩu thô... Luật Khoáng sản hiện hành được ban hành năm 1996 và được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2005. Đến nay, chính phủ đang lấy ý kiến Quốc hội góp ý Dự thảo Luật Khoáng sản (sửa đổi). Các điều chỉnh này sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của MIMECO nói riêng và các doanh nghiệp trong ngành nói chung.

Ngoài ra, hiện nay việc xuất khẩu khoáng sản thô do Bộ Công thương đề xuất với chính phủ vào từng thời điểm. Trong tương lai, xu hướng xuất khẩu thô sẽ giảm dần, ưu tiên đáp ứng nhu cầu chế biến sâu trong nước. Hiện nay, MIMECO cũng đang chuyển hướng sang chế biến sâu sản phẩm từ mangan. Công ty đang đầu tư Nhà máy hợp kim sắt ở Tuyên Quang mà nguồn nguyên liệu đầu vào là mangan Công ty khai thác.

3. Rủi ro đặc thù

Một trong những đặc thù của ngành là hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty chịu tác động lớn từ điều kiện thời tiết tự nhiên và đặc điểm địa chất của mỏ khoáng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến việc tăng chi phí khai thác, chế biến, chất lượng khoáng sản, do đó có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ở Miền Bắc, mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô thuận lợi cho công tác khai thác mỏ song thời tiết giá rét, lại thường thiếu điện sản xuất nên ảnh hưởng đến công tác tuyển khoáng. Mùa mưa ảnh hưởng nhiều đến công tác thoát nước mỏ và tháo khô mỏ song thuận lợi cho công tác tuyển khoáng. Những tác động tiêu cực về môi trường, điều kiện khí hậu không lường trước được đều ảnh hưởng không tốt đến quá trình sản xuất.

Hiệu quả của hoạt động khai thác khoáng sản cũng chịu ảnh hưởng lớn vào chất lượng, trữ lượng, đặc điểm của thân quặng, đặc điểm khoáng sản và độ sâu tồn tại quặng. Với thời gian khai thác một mỏ càng tăng, sản lượng tăng thì đồng nghĩa với trữ lượng mỏ giảm và chi phí khai thác tăng. Để hạn chế rủi ro này, MIMECO tăng cường đầu tư công nghệ, thiết bị khai thác, tuyển khoáng tiên tiến, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và thân thiện với môi trường. Đồng thời, MIMECO cũng thường xuyên thăm dò khai thác trong quá trình khai thác khoáng sản để có đủ thông tin về đặc điểm chất lượng, trữ lượng, đặc

điểm khoáng sản để áp dụng công nghệ khai thác, các giải pháp khai thác, tuyển khoáng tối ưu với chi phí thấp nhất nhằm mang lại hiệu quả cao nhất không chỉ ở hiện tại mà cả ở tương lai.

Ngành khai thác khoáng sản còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ về các yếu tố bảo vệ môi trường. Sự gia tăng của các khoản phí như phí bảo vệ môi trường, phí tài nguyên, phí nước thải, tiền thuê đất... ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy, MIMECO rất chú trọng công tác vệ sinh, an toàn trong khai thác mỏ; đảm bảo khai thác đúng thiết kế để tránh tổn thất quặng cũng như các rủi ro, mất an toàn trong khai thác.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu của MIMECO

Giá cổ phiếu được xác lập bằng quan hệ cung cầu trên thị trường, mà quan hệ này chịu sự tác động rất lớn bởi yếu tố vĩ mô của nền kinh tế thế giới và trong nước, các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư. Đặc biệt với nhà đầu tư Việt Nam thì yếu tố tâm lý tác động rất lớn đến quan hệ cung cầu trên thị trường chứng khoán. Hơn nữa, khi cổ phiếu được niêm yết trên sàn giao dịch thì các yếu tố này trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch. Bên cạnh đó, tình hình khủng hoảng tài chính thế giới, cụ thể là thị trường tài chính Mỹ trong giai đoạn vừa qua cũng tác động ít nhiều đến tâm lý các nhà đầu tư và các doanh nghiệp Việt Nam, đây cũng là một yếu tố làm ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu giao dịch. Ngoài ra, giá cổ phiếu của Công ty còn có thể bị pha loãng trong trường hợp Công ty phát hành tăng vốn làm giảm thu nhập trên một cổ phiếu.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn … là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của MIMECO.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí

Ông **TĂNG NGUYÊN NGỌC**	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông **ĐẶNG XUÂN QUẢN**	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông **TRẦN QUỐC ĐỆ**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Ông **BÙI VIỆT**	Chức vụ: Tổng Giám đốc Đại diện theo pháp luật
Bà **TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM**	Chức vụ: Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKKD và ĐKT	Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
CN	Chi nhánh
Công ty	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
CTCP	Công ty cổ phần
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
MIMECO	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí
XN	Xí nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**
- Tên tiếng Anh : **MINERAL AND MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **MIMECO JSC**
- Trụ sở chính : Số 2 Đặng Thái Thân, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3826 5106 Fax: (04) 3933 0806
- Website : www.mimeco.com.vn
- Email : ksck@mimeco.vn
- Vốn điều lệ : 20.328.950.000 đồng
- Giấy CNĐKKD và ĐKT: số 0100102580 do Sở KH & ĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí (MIMECO) tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mỏ thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập vào ngày 20/05/1993 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng số 243/QĐ/TCNSĐT.

Năm 2004, Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mỏ được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Trải qua hơn 17 năm không ngừng phấn đấu và trưởng thành, Công ty cổ phần Khoáng sản và Cơ khí là doanh nghiệp có uy tín trong Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam - Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam và đối với các khách hàng trong và ngoài nước.

Hình ảnh trụ sở chính MIMECO

Quá trình tăng vốn điều lệ của MIMECO:

Thời gian	Căn cứ thực hiện	Hình thức phát hành	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phần phát hành	Mệnh giá cổ phần (đồng)	Vốn điều lệ mới (đồng)
2006	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2006	Phát hành riêng lẻ	Cổ đông hiện hữu	10.000	100.000	4.200.000.000
2007	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007	Phát hành riêng lẻ	Cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược, cổ đông khác	600.000	10.000	10.200.000.000
2008	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ phiếu thưởng và chào bán riêng lẻ	Cổ đông hiện hữu, cổ đông có quan hệ mật thiết	655.874	10.000	16.758.740.000

Thời gian	Căn cứ thực hiện	Hình thức phát hành	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phần phát hành	Mệnh giá cổ phần (đồng)	Vốn điều lệ mới (đồng)
2010	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 Thông báo chấp thuận của UBCKNN ngày 28/12/2009	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ phiếu thưởng và chào bán riêng lẻ	Cổ đông hiện hữu, cổ đông có quan hệ mật thiết	357.021	10.000	20.328.950.000

2. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của công ty

Theo Giấy CNĐKKD và ĐKT số 0100102580 do Sở KH & ĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010, MIMECO được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí;
- Dịch vụ thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty đăng ký kinh doanh;
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất, mua bán phân bón, hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí;
- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Mua bán ôtô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Dịch vụ vận tải;

- Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủylợi, cơ sở hạ tầng đắp đất đá, san lấp mặt bằng;
- Mua bán kim loại;
- Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu;
- Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ thải, rác thải, đồng nát;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi;

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cơ cấu tổ chức của MIMECO hiện tại gồm:

❖ **Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3 826 5106 Fax: (04) 3 933 0806

❖ **Đơn vị trực thuộc MIMECO:**

- Xưởng Chế biến Khoáng sản Yên Viên
- Xưởng Chế biến Than bùn Mỹ Đức

❖ **Chi nhánh Mỏ Mangan MIMECO TUYÊN QUANG**

- Địa chỉ: xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

- Điện thoại: (027) 3 851 490
- Ngành nghề kinh doanh: thăm dò, khai thác, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ quặng mangan

❖ **Chi nhánh Xí nghiệp Cơ khí 2**

- Địa chỉ: Trần Phú, P.Trưng Nhị, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: (0211) 3 874 988 Fax: (0211) 3 870 327
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí

❖ **Chi nhánh MIMECO Hà Nam**

- Địa chỉ: thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại: (0351) 3 880 058 Fax: (0351) 3 880 058
- Ngành nghề kinh doanh: khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản

❖ **Nhà máy Hợp kim sắt MIMECO - TUYÊN QUANG**

- Địa chỉ: khu công nghiệp Long Bình An, Tuyên Quang
- Điện thoại: (027) 470 222 Fax: (027) 817 991
- Ngành nghề kinh doanh: chế biến Fero mangan (FeMn), Fero Silic (FeSi), Fero titan (FeTi), Fero crôm (FeCr), sản xuất gang

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

❖ **<u>Đại hội đồng cổ đông</u>:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của MIMECO. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại và giải thể Công ty....

❖ **<u>Hội đồng quản trị</u>:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm

của MIMECO; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ MIMECO; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của MIMECO.

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của MIMECO.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CTCP KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

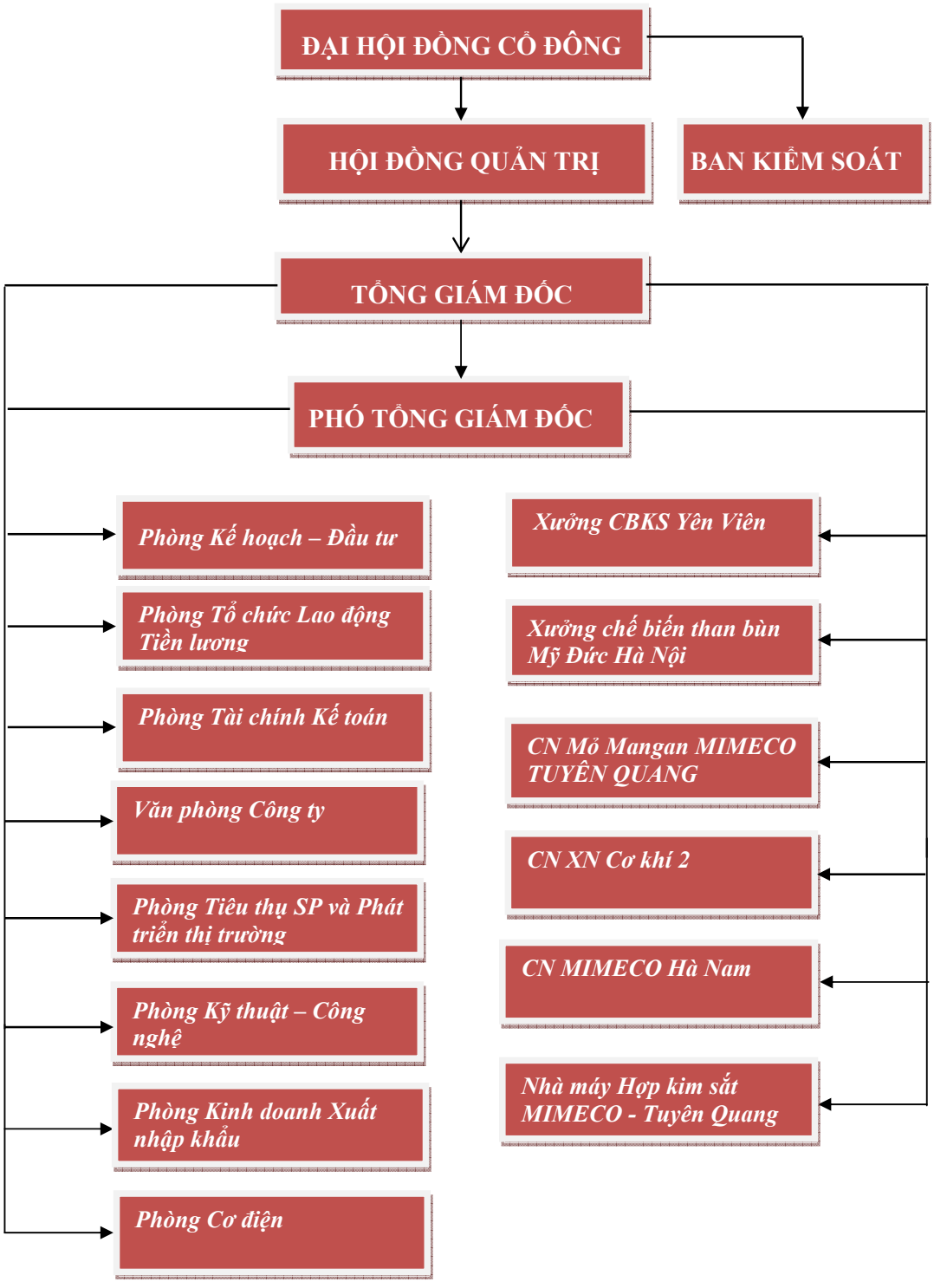

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Tính đến thời điểm 01/07/2010, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MIMECO như sau:

TT	Tên cổ đông	CMND/ GĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
1	Tổng Công ty Khoáng sản	0106000168	562 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội	451.511	22,21%
2	Tăng Nguyên Ngọc	012520360	562 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội	128.507	6,32%
Tổng cộng				**580.018**	**28,53%**

Nguồn: MIMECO

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy CNĐKKD và ĐKT số 0100102580 do Sở KH & ĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010, danh sách cổ đông sáng lập của MIMECO gồm:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (10.000 đ/CP)
1	Tổng Công ty Khoáng sản Đại diện: Đào Minh Sơn	562 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội Tổ 28, đường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	451.511
2	138 cổ đông khác		1.488.920
TỔNG CỘNG			**1.940.431**

Nguồn: MIMECO

MIMECO chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 28/06/2005 nên các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đến thời điểm này đã hết hiệu lực.

5.3. Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 01/07/2010, cơ cấu vốn điều lệ của MIMECO như sau:

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1. Cổ đông trong nước	**1.929.341**	**94,91%**
- Cá nhân	1.477.830	72,70%
- Tổ chức	451.511	22,21%

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
2. Cổ đông nước ngoài	**103.554**	**5,09%**
- Cá nhân	103.554	5,09%
- Tổ chức	-	-
Tổng cộng	**2.032.895**	**100%**

Nguồn: MIMECO

6. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

6.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí

Không có.

6.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối

Không có.

6.3. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí liên kết, liên doanh

Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm dịch vụ chính

MIMECO là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc từ mỏ khoáng sản. Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: sản phẩm mangan chế biến sâu dùng cho sản xuất pin, các ngành gốm sứ, luyện kim..; sản phẩm cơ khí cho khoan thăm dò và tuyển khoáng; sản phẩm đá bazan; bột Bentônite; bột $CaCO_3$; bột Dolômit…

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: tấn

Sản phẩm	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1/2010
Bột Dioxit mangan	3.385,1	3.623,8	300
Tinh quặng mangan	12.706,8	13.744,4	3.300
Bột Bentonite	953,7	1.333,7	520
Bột đá $CaCO_3$	3.461,8	6.283,8	1.700

Sản phẩm	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1/2010
Sản phẩm cơ khí[3]	381,2	427,0	120
Đá bazan	380,6	1.716,91	-
Than bùn	-	1.584,6	350

Nguồn: MIMECO

Hình ảnh một số sản phẩm của MIMECO

Tinh quặng Mangan

Bột Mangan

Bột Betonite

Bột Đôlômit

Fero Silic

Fero Mn

MIMECO đang tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh sau:

❖ **Xí nghiệp Mỏ Mangan Phiên Lang – Làng Bài**

Xí nghiệp chuyên thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ quặng mangan. MIMECO đang khai thác mỏ mangan Làng Bài có trữ lượng 116.000 tấn quặng đã được thăm dò và cấp phép theo giấy phép khai thác số 211/2003/GPBTNMT ngày 25/02/2003 trong thời hạn 10 năm.

[3] Đơn vị tính là tấn quy đổi

Sản lượng khai thác và chế biến hàng năm: 15.000 tấn quặng mangan có hàm lượng 30 - 45 % Mn. Sản phẩm khai thác được cung cấp cho Nhà máy Hợp kim sắt (luyện feromangan), xuất khẩu, chế biến bột Điôxit mangan cho ngành Pin và gốm sứ.

❖ **Xưởng Chế biến khoáng sản Yên Viên**

Xí nghiệp chuyên sản xuất chế biến sâu các sản phẩm bột Mangan thiên nhiên cung cấp cho các nhà máy Pin và sản xuất gốm sứ, hạt lọc nước…, khai thác chế biến than bùn cho ngành phân bón. Xưởng Chế biến khoáng sản Yên Viên có diện tích nhà xưởng và sân phơi khoảng 3.000 m^2 cùng hệ thống thiết bị tuyển khoáng và nghiền quặng mangan với công suất 5.000 tấn/năm.

❖ **Xí nghiệp Cơ khí 2**

Xí nghiệp chuyên sản xuất, chế tạo các thiết bị tuyển khoáng như máy đập, máy nghiền, máy sàng, hệ thống băng tải… Đặc biệt hiện nay Xí nghiệp đang sản xuất các mặt hàng cơ khí phục vụ cho công tác khoan thăm dò khoáng sản và nước ngầm như lưỡi khoan hợp kim các loại, ống mẫu, cần khoan, tháp khoan.

❖ **Xí nghiệp Khoáng chất và Cơ khí Hà Nam**

Xí nghiệp chuyên sản xuất bột Bentônit API -B300 sử dụng cho khoan thăm dò và khoan cọc nhồi; sản xuất bột đá $CaCO_3$, bột Đôlômit sử dụng làm bột trét tường, phân bón và nuôi trồng thuỷ sản; khai thác đá bazan và chế biến phụ gia ximăng từ mỏ đá bazan Mỏm Chanh.

Mỏ đá bazan Mỏm Chanh được Công ty phát hiện và đưa vào nghiên cứu từ năm 1995. Năm 2001, các kết quả nghiên cứu của Công ty được Viện Khoa học công nghệ vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chuẩn làm phụ gia trong sản xuất xi măng và được Bộ Xây dựng cho phép sử dụng đá bazan Mỏm Chanh - Hà Nam làm phụ gia cho xi măng. Từ đó, mỏ bắt đầu đi vào khai thác, sản xuất và không ngừng phát triển cho đến nay.

Xí nghiệp còn sản xuất sản phẩm bột Bentônit API -B300 sử dụng cho khoan thăm dò và khoan cọc nhồi. Sản phẩm đã được công nhận "*đạt tiêu chuẩn và được trao huy chương vàng của Hội chợ triển lãm ISO - Chìa khoá hội nhập 2005*" do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tại Hội chợ triển lãm tháng 12/2005.

❖ **Xưởng chế biến Than bùn Mỹ Đức**

Than bùn được khai thác tại Mỏ than bùn Thượng Lâm, xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Đây là Mỏ than bùn mà MIMECO được quyền khai thác theo Quyết định số 25/GP-UBND ngày 22/04/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội). Trong than bùn có hàm lượng chất vô cơ là 18-24%, phần còn lại là các chất hữu cơ. Than bùn có axit

humic, có tác dụng kích thích tăng trưởng của cây. Hàm lượng đạm tổng số trong than bùn cao hơn trong phân chuồng gấp 2 – 7 lần.

7.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm

CƠ CẤU DOANH THU

Nhóm sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Mangan	28.782	66,30	26.472	56,71	4.904	49,54
Cơ khí	7.171	16,52	7.964	17,06	1.276	12,89
Than bùn	-	-	304	0,65	61	0,61
Bentonite, bột đá	2.469	5,69	3.858	8,26	1.343	13,57
Sản phẩm khác	42	0,1	390	0,84	48	0,48
Thương mại	4.944	11,39	7.690	16,48	2.267	22,90
Cộng	**43.410**	**100**	**46.678**	**100**	**9.899**	**100**

Nguồn: MIMECO

CƠ CẤU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Nhóm sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Mangan	5.814	91,62	3.300	82,75	47	84,74
Cơ khí	359	5,65	398	9,98	-9	-15,49
Than bùn	-	-	12	0,30	-8	-14,23
Bentonite, bột đá	123	1,94	193	4,84	9	16,31
Sản phẩm khác	1	0,02	8	0,20	1	1,16
Thương mại	49	0,77	77	1,93	15	27,52
Cộng	**6.346**	**100**	**3.988**	**100**	**55**	**100**

Nguồn: MIMECO

Hiện tại sản phẩm mangan là nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty, đóng góp chính vào chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận Công ty. Nhóm mangan thường chiếm từ 55-60% trong tổng doanh thu và chiếm 80-85% trong tổng lợi nhuận trước thuế. Ngoài mangan,

nhóm sản phẩm cơ khí của Công ty cũng mang lại từ 10-18% trong cơ cấu doanh thu và đem về từ 5-10% trong lợi nhuận trước thuế.

Năm 2009, hoạt động của Công ty chịu tác động mạnh từ suy thoái kinh tế thế giới. Doanh thu năm 2009 vẫn tăng 7,53% so với năm 2008, tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế năm 2009 giảm 37,16% so với năm 2008. Nguyên nhân chính là do giá bán Mangan xuất khẩu giảm đi so với năm 2008 trong khi các chi phí khác cần thiết cho việc khai thác như giá xăng dầu không ổn định, các chi phí khác như điện, nước, nhân công…cũng đồng loạt tăng theo.

So sánh kết quả kinh doanh Quý 1/12010 với cùng kỳ năm 2009, doanh thu tăng nhưng lợi nhuận giảm do doanh thu nhóm mangan chỉ bằng 71,8% so với cùng kỳ, giảm so với cùng kỳ là 28,2%. Sản lượng mangan thương phẩm giảm là do:

- Quý 1/2010 Công ty tập trung cải tạo mỏ mangan Làng Bài để phục vụ cho khai thác các quý sau như: Làm đường, đắp đập, mở rộng bunke, bóc đất phủ, mở rộng moong khai thác… nên Công ty phải đầu tư thiết bị và thuê thiết bị, tiêu hao nhiên liệu, … làm cho chi phí khai thác mỏ tăng cao.
- Quý 1/2010 mỏ mangan khai thác ở các tầng moong phía trên nên chi phí cũng tăng cao. Tình trạng mất điện kéo dài, nước sản xuất cũng bị thiếu vì quý này ở miền Bắc vẫn đang là mùa khô nên sản lượng khai thác quặng sụt giảm.
- Riêng Mỏ than bùn Hà Tây, quý 1/2010 mới khai thác bùn nguyên khai, thời tiết không thuận lợi nên chưa nghiền được vì vậy lượng thành phẩm thấp.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU

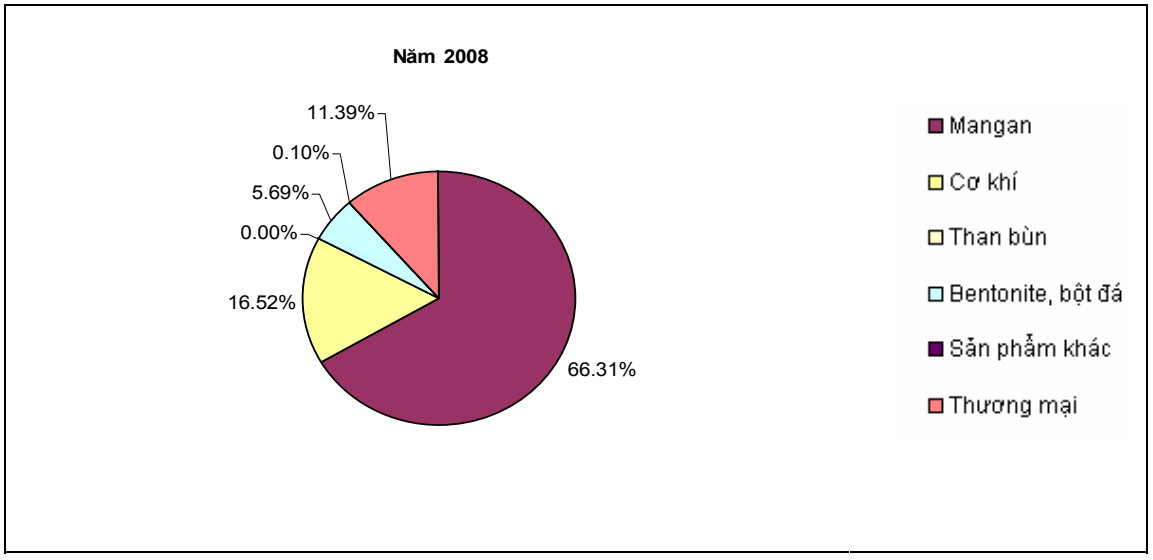

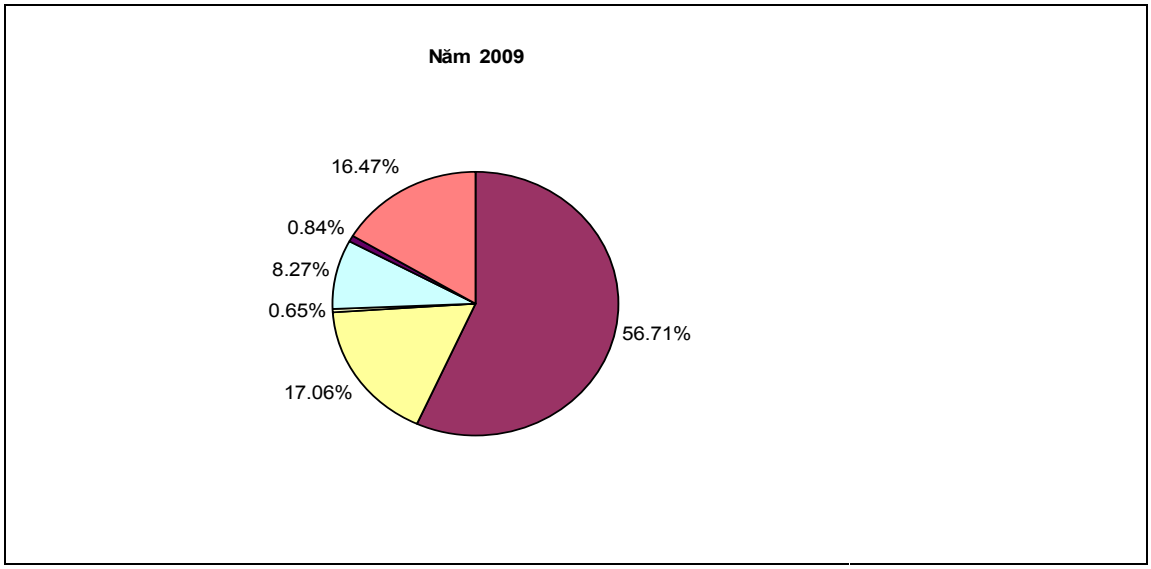

7.3. Nguyên vật liệu

7.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất sản phẩm tại MIMECO được chia thành các loại chủ yếu sau:

- Các loại khoáng sản thô (tinh quặng mangan, đất sét, đá…) cho khâu chế biến, nghiền sản phẩm;
- Nhiên liệu (dầu Diezel) cho khâu khai thác;
- Điện năng cho khâu tuyển, luyện;
- Một số vật liệu, phụ tùng thay thế, phụ gia… chiếm tỷ trọng nhỏ.

Công ty có giấy phép khai thác quặng Mangan tại Phiên Lang – Làng Bài ở Tuyên Quang với trữ lượng 116.000 tấn quặng theo giấy phép khai thác số 211/2003/GPBTNMT ngày 25/02/2003 trong thời hạn 10 năm. Đá bazan làm phụ gia xi măng được chế biến từ mỏ đá bazan Mỏm Chanh tại Hà Nam. Các sản phẩm bột đá $CaCO_3$, bột Đolomite ... được sản xuất từ nguồn nguyên liệu tại Hà Nam.

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính đều được Công ty lựa chọn ký hợp đồng ổn định, cung ứng kịp thời và giá cả chủ yếu theo giá chỉ đạo của Nhà nước hoặc theo giá thị trường tại từng thời điểm cung ứng.

7.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm từ 50-60% trong giá thành sản xuất điôxit mangan, 70-80% trong giá thành sản phẩm hàng cơ khí và 40-50% trong giá thành sản xuất các sản phẩm khác. Nguyên vật liệu đầu vào không ổn định về chất lượng và giá cả

sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu giá nguyên vật liệu đầu vào tăng đột biến hoặc chất lượng không đạt theo hợp đồng mua bán, Công ty sẽ phải mất nhiều thời gian và chi phí cho khâu xử lý chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với giấy phép khai thác quặng Mangan Phiên Lang – Làng Bài và mỏ đá Mỏm Chanh tại Hà Nam, Công ty đã chủ động được phần lớn nguyên vật liệu đầu vào. Đối với các nguyên vật liệu đầu vào khác, Công ty luôn đề cao ý thức tiết kiệm, thường xuyên kiểm tra để giảm thiểu hao hụt, cũng như đưa ra nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí như:

- Có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu chính ổn định cho từng chu kỳ sản xuất.
- Ký hợp đồng cung ứng với các nhà cung cấp lớn, có uy tín, hạn chế mua vật tư, phụ tùng trôi nổi trên thị trường.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá sự biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào để có kế hoạch dự phòng hợp lý.

7.4. Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng DT
Giá vốn hàng bán	27.359	61,55%	34.385	69,22%	7.096	70,22%
Chi phí bán hàng	4.359	9,81%	3.777	7,60%	1.489	14,74%
Chi phí QLDN	4.131	9,29%	5.021	10,11%	1.218	12,05%
Chi phí tài chính	122	0,27%	23	0,05%	2	0,02%
Chi phí khác	549	1,24%	535	1,08%	30	0,29%
Tổng cộng	**36.519**	**82,16%**	**43.740**	**88,05%**	**9.835**	**97,32%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

Nhìn chung, các khoản mục chi phí của MIMECO có xu hướng tăng so với năm trước. Điều này là hoàn toàn phù hợp với việc phát triển và mở rộng quy mô, năng lực sản xuất của MIMECO.

7.5. Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ của MIMECO so với các đơn vị cùng ngành đạt mức tiên tiến. Mức độ cơ khí tự động hoá đến 70%, công suất hoạt động phù hợp với trữ lượng tài nguyên mỏ và kế hoạch sản xuất, tăng trưởng hàng năm. Công ty trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị chuyên ngành tại các chi nhánh. Ngoài ra, Công ty còn có Xí nghiệp Cơ khí 2 phục vụ việc cung cấp một số máy móc thiết bị cho các xí nghiệp còn lại. Hơn thế, Xí

nghiệp Cơ khí 2 còn sản xuất các sản phẩm (máy đập, máy nghiền, máy sàng, hệ thống băng tải, lưỡi khoan, ống mẫu, cần khoan, tháp khoan...) để cung cấp cho các công ty cùng ngành khác.

Quy trình sản xuất một số sản phẩm chính

Sơ đồ 1: Quy trình sản xuất sản phẩm tinh quặng mangan

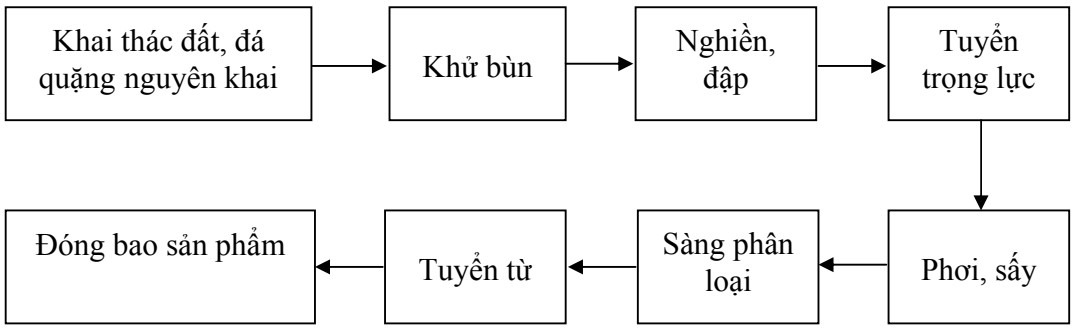

Sơ đồ 2: Quy trình công nghệ sản xuất Bột điôxit mangan

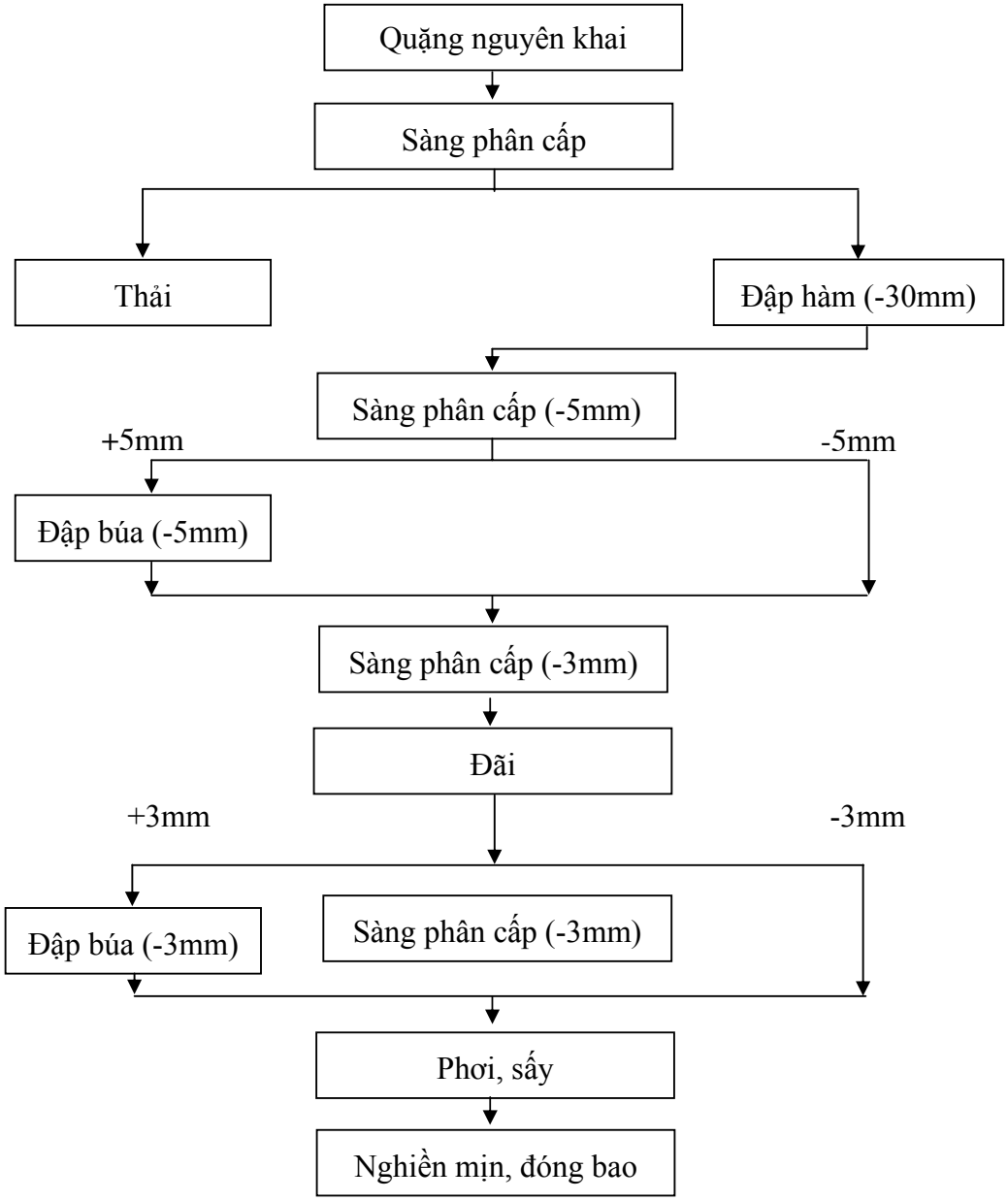

Sơ đồ 3: Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm dụng cụ khoan

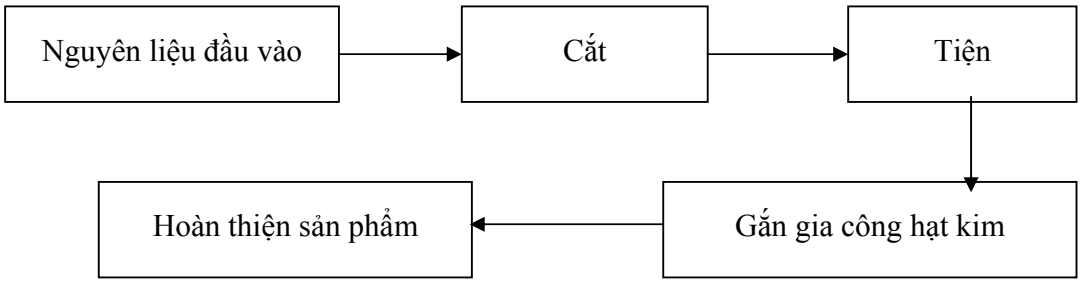

Sơ đồ 4: Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm Bentonit

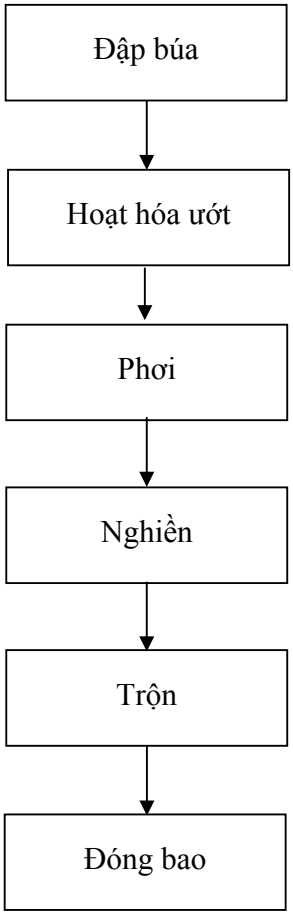

Danh sách một số máy móc thiết bị chính

STT	Thiết bị	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất
1	Máy nghiền 3R 3016	6	50KW	2008
2	Máy lốc tôn dài 2,5 m	1	5,5KW	2009
3	Máy kẹp hàm	6	4KW	2008
4	Máy hàn ƯT 400DC	5	15KW	2008
5	Máy gạt Kamazsu D40	2	200TC	2008
6	Máy tiện	7	7,5KW	2005, 2008
7	Máy tuyển từ	6	10KW	2005, 2006
8	Máy xúc Komatsu PC200-3	3	200CV	2005
9	Máy xúc Komatsu PC200-5	3	200CV	2005
10	Ô tô Sang Hing 4217	3	8 M3	2008
11	Ô tô DongFeng DEL 3251-5170	3	8 M3	2009

Nguồn: MIMECO

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngành nghề chính của Công ty từ khi được thành lập đến nay là khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí. So với những ngày đầu mới thành lập quy mô của Công ty đến nay đã lớn mạnh hơn rất nhiều, chủng loại sản phẩm cũng ngày càng đa dạng, sản lượng ngày càng cao, thị phần cũng lớn hơn, ổn định hơn. Sự phát triển đó là do Công ty không ngừng đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Quá trình nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới từ trước tới nay:

❖ **Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoáng sản.**

- Khai thác, chế biến khoáng sản:

+ **Quặng mangan**: Từ khi được thành lập (năm 1993) Công ty được Nhà nước giao quản lý và khai thác mỏ khoáng sản là mỏ mangan Làng Bài, Tuyên Quang. Với công nghệ khai thác và tuyển khoáng lạc hậu lại thiếu vốn, thiếu thiết bị nên những năm 90 sản lượng khai thác, chế biến quặng mangan Làng Bài rất thấp (mỗi năm xấp xỉ 1.000 tấn quặng). Từ sau khi cổ phần hóa Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khai thác, chế biến đồng bộ tiên tiến nên từ chỗ khai thác quặng mangan với hàm lượng trên 15%Mn, hiện nay Công ty đã khai thác, chế biến được quặng mangan có hàm lượng rất thấp chỉ từ 3-4%Mn đã có thể đưa vào khai thác, chế biến. Sản lượng khai thác hàng năm không ngừng gia tăng. Sản lượng năm 2008 là 12.706 tấn tinh

quặng, năm 2009 là 13.744 tấn tinh quặng.

Cùng với sự gia tăng về sản lượng, chất lượng quặng mangan ngày càng ổn định và nâng cao. Công ty đã sản xuất không chỉ tinh quặng mà còn sản xuất được các loại bột điôxit mangan đáp ứng yêu cầu của các khách hàng khác nhau trong các ngành khác nhau như sản xuất pin, hợp kim, hạt lọc nước, gốm sứ … và đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các nước trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản.

Ngoài ra, nhận thấy nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường trong nước đối với 2 sản phẩm Fero Mangan (FeMn), Fero Silic (FeSi), Công ty đã mạnh dạn đầu tư Nhà máy hợp kim sắt dựa trên cơ sở Mỏ nguyên liệu đầu vào tại Mỏ mangan Tuyên Quang của Công ty và các mỏ quặng Quaczit, thạch anh ở các vùng lân cận. Năm 2007, Công ty nghiên cứu, lập dự án đầu tư nhà máy sản xuất feromangan tại khu công nghiệp Long Bình An tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, nhà máy đang trong giai đoạn hoàn thiện. Nguyên liệu của nhà máy là quặng mangan và sản phẩm của nhà máy là nguyên liệu sản xuất thép, hợp kim. Sản phẩm này của Công ty sắp ra mắt thị trường, với công nghệ sản xuất tiên tiến, chất lượng tốt và giá thành hạ sẽ là một trong những mặt hàng chủ lực của Công ty trong thời gian tới.

+ **Các loại khoáng sản khác**: Công ty thường xuyên tổ chức nghiên cứu đặc điểm, điều kiện khai thác, chế biến các loại khoáng sản, các mỏ khoáng sản trong nước. Năm 2000 Công ty tổ chức nghiên cứu, thăm dò đá sét Mỏm Chanh và năm 2001 Công ty được Nhà nước cấp phép khai thác mỏ đá sét xi măng Mỏm Chanh tại Hà Nam. Hiện nay Công ty đang khai thác đá sét cung cấp cho các nhà máy ximăng làm phụ gia trong sản xuất ximăng.

Năm 2007, Công ty đầu tư nghiên cứu, thăm dò mỏ than bùn Thượng Lâm làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh. Năm 2008, Công ty được Nhà nước cho phép khai thác mỏ than bùn Thượng Lâm. Hiện nay, Công ty đang khai thác than bùn cung cấp cho các nhà máy sản xuất phân vi sinh trong khu vực miền Bắc.

- Sản xuất, kinh doanh khoáng sản:

Ngoài việc sản xuất đa dạng các sản phẩm khoáng sản do Công ty trực tiếp khai thác, Công ty không ngừng đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất các sản phẩm khoáng sản như sản xuất bột Bentônite, bột Đôlômit, bột Vôi, bột đá …

Công ty sản xuất bột Bentônit từ năm 1997 nhưng chất lượng sản phẩm không ổn định, vì vậy thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định. Từ năm 2006, Công ty đầu tư nghiên cứu công nghệ sản xuất bột Bentônit, sau ba năm nghiên cứu, ứng dụng đến nay Công ty đã sản xuất được rất nhiều loại sản phẩm bột Bentônit đáp ứng các yêu cầu sử

dụng khác nhau, các điều kiện địa tầng trong khoan khảo sát địa chất, khoan cọc nhồi.

Những năm trước các sản phẩm như bột Đôlômit, bột vôi, bột đá… Công ty sản xuất với sản lượng rất thấp chủ yếu là kinh doanh thương mại. Từ năm 2008, Công ty đầu tư dây chuyền nghiền, sàng tiên tiến nên sản lượng, chất lượng các sản phẩm này không ngừng tăng lên, năm 2008 là 5.000 tấn, năm 2009 là 7.000 tấn.

Sản phẩm bột Bentônit API -B300 sử dụng cho khoan thăm dò và khoan cọc nhồi được MIMECO nghiên cứu và phát triển. Sản phẩm này đã được công nhận "*đạt tiêu chuẩn và được trao huy chương vàng của Hội chợ triển lãm ISO - Chìa khoá hội nhập 2005*" do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tại Hội chợ triển lãm tháng 12/2005. Chất lượng sản phẩm đã được Viện dầu khí Việt Nam kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn API và đạt yêu cầu trong giới hạn tiêu chuẩn của Viện dầu khí Mỹ đề ra với sản phẩm Bentônit dùng cho khoan cọc nhồi.

❖ **Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí**

Từ khi cổ phần hoá, các sản phẩm cơ khí truyền thống của Công ty như dụng cụ khoan, lưỡi khoan … vẫn được duy trì và đầu tư công nghệ để nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm. Từ năm 2006, Công ty nghiên cứu sản xuất các thiết bị phục vụ cho công tác tuyển khoáng như: máy nghiền, máy xoắn, máy lắng các loại…

❖ **Các hướng phát triển sản phẩm mới trong thời gian tới:**

Với các sản phẩm khoáng sản đã có, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với điều kiện sản xuất, đặc điểm các mỏ khoáng sản để mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm.

- Hoàn thiện và đưa vào sử dụng nhà máy hợp kim sắt Long Bình An giai đoạn 1 (sản xuất feromangan) tiến tới đầu tư giai đoạn 2 là sản xuất ferosilic.
- Sản xuất các thiết bị tuyển khoáng.
- Sản xuất phân vi sinh bằng nguyên liệu than bùn khai thác từ mỏ than bùn Thượng Lâm.
- Nghiên cứu, thăm dò, đầu tư khai thác các mỏ khoáng sản mới.

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện Công ty đang áp dụng kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2000 trên toàn bộ các công đoạn của dây chuyền sản xuất. Điều này đảm bảo được chất lượng sản phẩm, đảm bảo uy tín của Công ty với khách hàng. Các chi nhánh và đơn vị thành viên trong Công ty chịu trách nhiệm sản xuất các sản phẩm theo kế hoạch, tiến độ, chất lượng mà Công ty giao. Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra theo dõi để đánh giá hiệu quả

của quy trình sản xuất, lập định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cho các sản phẩm, tất cả các sản phẩm đều sản xuất theo định mức kinh tế - kỹ thuật mà công ty đã xây dựng.

Để kiểm tra chất lượng sản phẩm, các sản phẩm khoáng sản của Công ty sau khi hoàn thành và trước khi giao cho khách hàng đều được lấy mẫu phân tích, các sản phẩm cơ khí được kiểm tra đầy đủ các thông số kỹ thuật nếu là máy tuyển khoáng hoặc các thiết bị hoàn chỉnh sẽ được vận hành thử nghiệm, đạt tiêu chuẩn mới nghiệm thu sản phẩm.

Các sản phẩm của Công ty đều tuân theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam hoặc quốc tế. Các sản phẩm không có tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế thì công ty có công bố tiêu chuẩn cơ sở. Đối với các sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng Công ty sản xuất theo yêu cầu trong các hợp đồng và có công bố tiêu chuẩn chất lượng cơ sở kèm theo. Theo từng lô sản xuất sản phẩm được lấy mẫu và gửi đi phân tích tại các cơ quan phân tích độc lập, đạt tiêu chuẩn chất lượng mới nghiệm thu và thanh quyết toán chi phí sản xuất cho các đơn vị thành viên.

7.8. Hoạt động Marketing

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản, sản phẩm của MIMECO mang tính đặc thù, vì vậy khách hàng của Công ty là những khách hàng thân thiết, truyền thống với những sản phẩm sử dụng riêng cho từng nhóm khách hàng với những yêu cầu cụ thể, khắt khe và rõ ràng. MIMECO lấy chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng là tiêu chí hàng đầu trong việc xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Để sản phẩm ngày càng được biết đến rộng rãi trên thị trường, Công ty đang từng bước thực hiện công tác Marketing như sau:

- Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu. Công ty bán hàng với phương châm chất lượng tốt và giá cả hợp lý là con đường ngắn nhất đến với khách hàng trong và ngoài nước.
- Duy trì và phát triển các mặt hàng truyền thống như: tinh quặng mangan, bột điôxit mangan.
- Công ty sẽ tiếp tục duy trì và tập trung phục vụ tốt nhóm khách hàng đã có quan hệ truyền thống với công ty. Đưa ra các biện pháp nhằm duy trì mối quan hệ thân thiết với các khách hàng này dựa trên các biện pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo sự ổn định về chi phí của sản phẩm, đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế sự biến động của nguyên liệu đầu vào với các hợp đồng ký dài hạn. Tiếp tục bán hàng xuất khẩu cho doanh nghiệp nước ngoài.
- Công ty tích cực tìm kiếm các khách hàng mới cũng như sản xuất mặt hàng mới

dựa trên nhu cầu của thị trường. Đối với những sản phẩm mới đưa vào thị trường như sản phẩm Bentonite, than bùn, feromangan… Công ty đều có chương trình khuyến mãi, giảm giá sản phẩm để có giá cạnh tranh hấp dẫn nhất.

- Hàng năm Công ty đều lập và đưa vào kế hoạch một khoản chi phí thoả đáng cho công tác quảng cáo sản phẩm. Công ty đặc biệt quan tâm đến bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, mỗi loại sản phẩm đều có thiết kế mẫu mã riêng tạo nên thương hiệu MIMECO trên thị trường, không thể nhầm lẫn với bất cứ sản phẩm cùng loại khác.
- Đội ngũ nhân viên Maketing không ngừng được trẻ hoá và nhiệt tình với công việc, sẵn sàng tư vấn cho khách hàng để họ hiểu sản phẩm và giới thiệu sản phẩm đến với những người cùng sử dụng khác.
- Công ty sẽ tiến hành nâng cấp website www.mimeco.com.vn lên một bậc mới, từng bước tạo website trở thành một cầu nối giữa khách hàng, nhà đầu tư với Công ty.

7.9. Nhãn hiệu thương mại

Bên cạnh việc tích cực quảng bá thương hiệu, MIMECO đã thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu hàng hóa. MIMECO đã được cấp Giấy đăng ký nhãn hiệu thương mại số 97177 theo Quyết định số 3994/QD-SHTT do Cục Sở hữu trí tuệ Bộ Khoa học và công nghệ cấp ngày 07/03/2008.

7.10. Danh mục các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

ĐVT: triệu đồng

TT	Đối tác	Số hợp đồng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện
1	CTCP Hợp kim sắt – Gang thép Thái Nguyên	35/HĐ-HKS	Quặng mangan điôxit	12.389	2010	01 năm
2	Doang nghiệp Trung Thành	100/HĐKT/2009	Bột điôxit mangan 62%	1.245	2010	04 tháng
3	Công ty TNHH Alpha	01,02MIMECO-ALPHA/200	Bột điôxit mangan 62%	9.567	2009	01 năm

TT	Đối tác	Số hợp đồng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện
		9				
4	CTCP Hợp kim sắt Trung Việt	03/HĐKT	Quặng mangan điôxit	1.007	2009	04 tháng
5	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thép Vạn Lợi	18/HĐKT	Quặng mangan điôxit	1.141	2009	01 năm
6	CTCP Tân Phú Xuân	17/HĐKT	Quặng mangan điôxit	4.632	2010	09 tháng
7	Công ty LQ Joton	02/HĐKT	Bột $CaCO_3$	1.270	2009	1 năm
8	Công ty TNHH Vi Na	35/HĐKT	Bột $CaCO_3$	840	2010	06 tháng
9	Công ty Công trình Giao thông 473	444/HĐNT	Bột Bentonite	550	2010	06 tháng
10	CTCP Licogi13 - Nền móng xây dựng	440/HĐKT	Bột Bentonite	580	2010	05 tháng
11	CTCP Pin ắc quy Miền Nam	23/HĐMB-VT/2010	Bột điôxit mangan	3.120	2010	1 năm
12	CTCP Xây dựng và Thương mại Đức Phương	05/HĐKT	Tinh quặng mangan	16.500	2010	1 năm
13	Công ty TNHH Hoạt động Khoáng sản Thanh Quang	03/HĐMB	Tinh quặng mangan	7.800	2010	1 năm
14	Công ty TNHH Alpha Industries	02 MIMECO – ALPHA/2009	Bột điôxit mangan	3.052	2010	5 tháng
15	CTCP Sông Gianh		Than bùn	1.200	2009	1 năm

Nguồn: MIMECO

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và Quý 1/2010

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008, 2009 và Quý 1/2010

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng (giảm) 2009/2008	Quý 1/2010
Tổng giá trị tài sản	34.023	39.446	15,93%	44.058
Doanh thu thuần	42.058	46.679	10,98%	9.684
Giá vốn hàng bán	27.359	34.385	25,68%	7.096
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	6.346	3.988	-37,15%	32
Lợi nhuận khác	243	218	-10,28%	23
Lợi nhuận trước thuế	6.588	4.206	-36,15%	55
Lợi nhuận sau thuế	5.682	3.735	-34,26%	41

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

Năm 2009, hoạt động xuất khẩu khoáng sản bị giảm sút do tình hình kinh tế suy thoái. Điều này đã tác động đến hoạt động của MIMECO. Mặc dù doanh thu thuần tăng 10,98% nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 36,15%. Năm 2010, nền kinh tế có triển vọng hồi phục so với năm trước, MIMECO đặt mục tiêu doanh thu đạt 76,1 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 5,5 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh của MIMECO trong Quý 1/2010 không cao. Đặc thù hoạt động của Công ty trong Quý 1/2010 thường không cao mà tập trung vào Quý 3 và Quý 4. Ngoài ra, nguyên nhân còn do Công ty thực hiện một số đầu tư ở mỏ Mangan Làng Bài và nguồn cung điện, nước thiếu ổn định trong thời gian này.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của MIMECO:

*** Thuận lợi:**

- Được sự giúp đỡ và chỉ đạo tận tình của Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam trong kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo tiền đề và điều kiện cho Công ty phát triển được một số hoạt động về cơ khí, thương mại…
- Công ty đã tích luỹ được các kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường qua 5 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Đã tạo được thế chủ động trong quản lý sản xuất kinh doanh và nguồn lực tích lũy để đầu tư phát triển.

- Công ty đã chủ động đầu tư đồng bộ một số dây chuyền công nghệ tuyển khoáng tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị chủ động tăng sản lượng sản xuất, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.
- Những sản phẩm chủ lực của công ty chủ yếu là các sản phẩm truyền thống, những mặt hàng mới mà Công ty mới đầu tư đã dần chiếm lĩnh được thị trường.

*** Khó khăn:**

- Giá hầu hết các nguyên liệu đầu vào để sản xuất các loại sản phẩm đều tăng như: giá xăng dầu, phôi thép, hạt kim, giá vận chuyển,…Trong khi giá tiêu thụ sản phẩm vẫn giữ nguyên hoặc tăng không đáng kể ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận.
- Cơ chế thị trường, xu thế hội nhập tạo nên môi trường cạnh tranh ngày một gay gắt, khốc liệt hơn.
- Thời tiết không thuận lợi, mưa lớn và kéo dài nhiều ngày ảnh hưởng lớn đến sản lượng khai thác và chế biến các các sản phẩm khoáng và tiêu thụ các dụng cụ khoan. Nguồn tài nguyên ngày càng nghèo, cạn kiệt, khai thác khó khăn.
- Nguồn vốn của Công ty còn hạn hẹp do vậy chưa có khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh cũng như chưa có điều kiện để đầu tư thêm công nghệ và thiết bị mới.
- Nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển của Công ty còn thiếu và yếu, sự lớn mạnh của nguồn nhân lực chưa tương xứng với sự phát triển của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

MIMECO là một trong những Công ty có quy mô của cả nước về khai thác, sản xuất chế biến Mangan. Công ty có dây chuyền máy móc thiết bị với mức độ cơ khí tự động hóa khoảng 70%, áp dụng kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2000. Bên cạnh hoạt động khai thác hiện tại, Công ty đang thực hiện dự án xây dựng nhà máy hợp kim sắt để tận dụng nguồn mangan tại mỏ mangan Tuyên Quang, giảm tỷ lệ sản phẩm thô, tăng tỷ lệ sản phẩm tinh chế. Ngoài mangan, Công ty còn thực hiện khai thác các loại khoáng sản khác như đá bazan, than bùn; cung cấp ra thị trường đa dạng sản phẩm như: phụ gia xi măng, bột Bentonite, bột Đôlômite, bột đá $CaCO_3$…

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Mangan là 1 loại kim loại có rất nhiều ứng dụng trong các ngành công nghiệp và đời sống. Mangan có mặt trong các loại hợp kim với sắt và nhôm, là những kim loại có mặt trong hầu hết các sản phẩm công nghiệp cũng như đồ gia dụng. Mangan còn được sử

dụng rộng rãi trong chế biến pin và acqui khô, chế tác dầu mỏ và sản xuất xăng không chì, sản xuất sơn chống gỉ, sản xuất thủy tinh và một số thuốc tẩy trùng trong y học. Cho đến nay, sau hàng nghìn năm sử dụng, chưa ai tìm được chất thay thế cho mangan.

Trữ lượng và tài nguyên dự báo quặng mangan ở Việt Nam[4] khoảng 11,1 triệu tấn, trong đó trữ lượng thăm dò đến cấp C2 khoảng 4,4 triệu tấn, tài nguyên dự báo cấp P1 + P2 khoảng 6,7 triệu tấn. Trữ lượng quặng mangan Việt Nam tập trung chủ yếu tại các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang và Hà Giang. Các nhà máy chế biến được phân bố ở 02 vùng sau:

- Vùng quy mô vừa và nhỏ là Hà Giang, Tuyên Quang, Hà Tĩnh với trữ lượng quặng hạn chế, thực hiện đầu tư với quy mô vừa và nhỏ.
- Vùng Thái Nguyên, Cao Bằng chế biến sâu quy mô công nghiệp.

Theo định hướng quy hoạch, quặng mangan được chế biến các sản phẩm feromangan, đioxitmangan điện giải (EMD) để cung cấp cho ngành luyện kim, một số ngành công nghiệp khác và xuất khẩu.

Dự kiến sản lượng chế biến giai đoạn từ 2007 – 2025

STT	Sản phẩm	Sản lượng chế biến (ngàn tấn/năm)			
		2007	2010	2015	2025
1	Tinh quặng cần khai thác	61	114	180	296
2	Feromangan	7	20	40	70
3	Dioxit EMD	-	5	10	20
4	Tinh quặng cho nhu cầu khác	37	24	-	-

Theo đó, kế hoạch đầu tư sản xuất cho giai đoạn này như sau:

Đầu tư sản xuất feromangan giai đoạn 2007 - 2015

Dự kiến đầu tư nâng cấp và mở rộng các nhà máy feromangan hiện có tại Cao Bằng, Thái Nguyên để nâng công suất từ 7.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm. Đầu tư mới ở Cao Bằng và Tuyên Quang hai nhà máy feromangan, dự kiến công suất 30.000 tấn/năm. Dự kiến đến năm 2015 sản lượng feromangan đạt 40.000 tấn/ năm.

Đầu tư sản xuất feromangan giai đoạn 2016 - 2025.

Đầu tư tiếp giai đoạn hai (sau 2015) để nâng cao chất lượng sản phẩm và sản lượng Nhà máy feromangan tại Hoà An, Cao Bằng, nhà máy feromangan tại Tuyên

[4] Theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 về việc phê duyệt quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng cromit, mangan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng đến năm 2025

Quang, Thái Nguyên, dự kiến công suất feromangan đạt 70.000 tấn/năm vào năm 2025.

Đầu tư mới nhà máy EMD

Đầu tư mới 03 nhà máy sản xuất EMD công nghệ cao nhằm tận thu các quặng thải và quặng nghèo để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu tại 3 vùng Cao Bằng, Tuyên Quang và Hà Tĩnh với công suất tổng cộng giai đoạn 1 là 5.000 tấn/năm; giai đoạn 2 nâng lên 20.000 tấn/năm.

Triển vọng phát triển của ngành khai thác khoáng sản nói chung và Mangan nói riêng phụ thuộc khá lớn vào các ngành công nghiệp như ngành sản xuất sắt, thép, công nghiệp nhuộm, sản xuất sơn… Sự tăng trưởng của các ngành này gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Sau một thời gian tăng trưởng mạnh mẽ, kinh tế Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ từ suy thoái kinh tế thế giới trong năm 2008 và năm 2009. Sau chu kỳ giảm sút, nền kinh tế sẽ bước vào giai đoạn phục hồi, tạo tiền đề phát triển cho các ngành công nghiệp.

Vì thế, tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp và xây dựng cũng tăng cao để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế. Điều này cho thấy triển vọng phát triển của các ngành công nghiệp khai khoáng trong nước trong đó có khai thác, chế biến mangan.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

MIMECO định hướng tiếp tục mở rộng và phát triển các hoạt động khai thác, chế biến sâu các sản phẩm từ nguồn quặng mangan để xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu nội địa. Nhà nước Việt Nam cũng khuyến khích các doanh nghiệp khoáng sản trong các hoạt động chế biến chuyên sâu thay cho khai thác thô, đem lại lợi ích cho quốc gia. Do đó, định hướng phát triển hoạt động của MIMECO là phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và chính sách của nhà nước.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Thực trạng lao động

Tổng số lao động tại MIMECO tính đến 31/12/2009 là 315 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng
Phân theo đối tượng lao động	**315**
Lao động trực tiếp	250
Lao động gián tiếp	65

Tiêu chí	Số lượng
Phân theo trình độ lao động	**315**
Trình độ đại học	45
Trình độ cao đẳng, trung cấp	20
Công nhân kỹ thuật	100
Lao động phổ thông	150

Nguồn: MIMECO

10.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

* **Chế độ làm việc:**

MIMECO thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, bộ phận gián tiếp được nghỉ ngày chủ nhật. Các chế độ nghỉ lễ, tết được MIMECO giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

* **Chính sách lương:**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, MIMECO trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. MIMECO thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, MIMECO thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

* **Chính sách khen thưởng:**

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của MIMECO họp xét phân loại A, B, C để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp Tết nguyên đán theo tiêu chí ngày công, năng suất, hiệu quả và sáng kiến đem lại lợi ích cho MIMECO. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT MIMECO trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như 30/4, Quốc khánh 2/9, Tết dương lịch 1/1 ....

* **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho CBCNV được MIMECO quan tâm đúng mức. Hàng năm đều cho một số cán bộ đi đào tạo thêm để nâng cao trình độ.

11. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Năm	Tỷ lệ	Ghi chú
2006	11%	Trả bằng tiền mặt
2007	12%	Trả bằng cổ phiếu
2008	20%	10% bằng tiền mặt 10% bằng cổ phiếu
2009	16%	Trả bằng cổ phiếu
2010 (dự kiến)	16%	Trả bằng tiền mặt

Nguồn: MIMECO

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

* **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của MIMECO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

* **Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng	10 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Quyền sử dụng đất	46

12.2. Thu nhập bình quân của người lao động

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	Năm 2008	Năm 2009
Mức lương bình quân	2.500.000	3.216.000

Nguồn: MIMECO

Thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty tương đối khá so với các công ty cùng ngành. Nhìn chung, các chế độ chính sách đối với người lao động luôn được Công ty quan tâm giải quyết kịp thời, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động.

12.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

12.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho người lao động.

12.5. Trích lập các quỹ

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ trích lập các quỹ qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	2008	2009
Quỹ Đầu tư phát triển	568.169.833	-
Quỹ Dự phòng tài chính	284.084.917	186.764.616
Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	511.352.850	336.176.308

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, 2010

Số dư các quỹ như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ đầu tư phát triển	40	608	608
Quỹ dự phòng tài chính	49	333	333
Quỹ khen thưởng phúc lợi	138	145	101

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

12.6. Tổng dư nợ vay

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Vay và nợ ngắn hạn	2	165	97
Vay và nợ dài hạn	-	-	2.790
Tổng cộng	**2**	**165**	**2.887**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

Công ty rất ít sử dụng nợ vay trong hoạt động. Do đó, rủi ro thanh toán đối với Công ty khá thấp.

12.7. Tình hình công nợ hiện nay

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Phải thu ngắn hạn	**6.108**	**11.353**	**14.358**
Phải thu của khách hàng	4.387	6.429	6.724
Trả trước người bán	634	2.714	5.735
Các khoản phải thu khác	1.087	2.210	1.899
Phải thu dài hạn	**-**	**-**	**-**
Tổng cộng	**6.108**	**11.353**	**14.358**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

Các khoản phải thu của Công ty vào thời điểm cuối năm 2009 tăng 85,87% so với cuối năm 2008. Ngoài nguyên nhân phải thu khách hàng tăng còn do năm 2009 Công ty ứng trước nhiều khoản chi phí (mua máy móc thiết bị, chi phí xây dựng của nhà thầu) cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy hợp kim sắt ở Tuyên Quang.

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Phải trả ngắn hạn	**8.897**	**10.756**	**10.298**
Vay và nợ ngắn hạn	2	165	97
Phải trả cho người bán	5.289	6.223	6.436
Người mua trả tiền trước	717	899	1.354

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	1.109	911	995
Phải trả CNV	1.012	1.104	625
Chi phí phải trả	3	15	12
Các khoản phải trả, phải nộp khác	626	1.293	677
Quỹ khen thưởng, phúc lợi[5]	138	145	101
Phải trả dài hạn	**12**	**69**	**2.858**
Vay và nợ dài hạn	-	-	2.790
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	12	69	69
Tổng cộng	**8.909**	**10.824**	**13.156**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý 1/2010 của MIMECO

12.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,56	2,23
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,91	1,75
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,26	0,27
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,35	0,37
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	5,98	6,41
Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,24	1,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
LNST/DT thuần	%	13,51%	8,00%
LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,92%	13,90%
LNST/Tổng tài sản bình quân	%	21,42%	10,17%

[5] Theo quy định kế toán hiện hành từ năm 2010, khoản mục Quỹ khen thưởng phúc lợi được trình bày ở Phần Nợ phải trả. Do đó, Phần Nợ phải trả năm 2008, 2009 cũng được trình bày lại để đảm bảo tính so sánh được của số liệu.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	15,09%	8,54%
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
Thu nhập trên mỗi cổ phần	Đồng/cổ phần	4.799	2.229
Giá trị sổ sách của một cổ phần	Đồng/cổ phần	14.986	17.078

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức danh
I	**Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc/Kế toán trưởng**	
1	Ông Tăng Nguyên Ngọc	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
2	Ông Đào Minh Sơn	Thành viên HĐQT
3	Ông Tăng Minh Sơn	Thành viên HĐQT
4	Ông Vũ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
5	Ông Đặng Xuân Quản	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
6	Ông Nguyễn Văn Dự	Phó TGĐ
II	**Ban kiểm soát**	
1	Ông Trần Quốc Đệ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Lương Văn Lĩnh	Thành viên
3	Bà Trần Thị Liên An	Thành viên

13.1. Hội đồng quản trị

13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Tăng Nguyên Ngọc

- Họ và tên : Tăng Nguyên Ngọc
- Số CMND : 012520360 Ngày cấp: 23/05/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/01/1962
- Nơi sinh : Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Yên Sơn, Đô Lương, Nghệ An

- Địa chỉ thường trú : 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc : (04) 3.8265106
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Kỹ sư tuyển khoáng	Đại học kỹ thuật Kosice Slova
Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế quốc dân

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 – 1991	Viện Kinh tế Mỏ địa chất	Cán bộ
1991 – 1995	Tổng Công ty Phát triển Khoáng sản	Cán bộ, Xưởng trưởng Xưởng thực nghiệm Công nghệ khoáng sản
1995 – 1999	Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam	Cán bộ, Xưởng trưởng Xưởng thực nghiệm Công nghệ khoáng sản
1999 - 2005	Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí Mỏ	Phó Giám đốc, Giám đốc
05/2005 đến nay	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ : 128.507 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - Vợ - Vũ Thị Hoa : 11.000 cổ phần
  - Em ruột - Tăng Minh Sơn : 95.295 cổ phần
  - Em ruột - Tăng Minh Hà: 21.981 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đào Minh Sơn

- Họ và tên : Đào Minh Sơn
- Số CMND : 063076588 Ngày cấp: 24/04/2001 Nơi cấp: CA Lào Cai
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/08/1963
- Nơi sinh : Xuân Lũng, Lâm Thao, Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xuân Lũng, Lâm Thao, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú : SN 20, tổ 28B Hoàng Văn Thụ – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : (04) 36522037
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Máy mỏ	Đại học Mỏ Địa chất

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1987 – 10/1999	Xí nghiệp thiếc Bắc Lũng – Công ty Kim loại mầu Thái Nguyên	Quản đốc phân xưởng khai thác, Trưởng phòng Kỹ thuật
10/1999 – 06/2006	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai – Công ty Kim loại mầu Thái Nguyên	Phó Giám đốc Giám đốc
07/2006 đến nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV	Trưởng phòng Cơ điện – Vận tải

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Cơ điện – Vận tải Tổng Công ty Khoáng sản
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 470.671 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân: 19.160 cổ phần
- Được ủy quyền: 451.511 cổ phần (đại diện Tổng Công ty Khoáng sản)

➢ Số cổ phần của những người có liên quan: không

➢ Các khoản nợ đối với Công ty: không

➢ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định

➢ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

➢ Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Tăng Minh Sơn

➢ Họ và tên : Tăng Minh Sơn

➢ Số CMND : 090415443 Ngày cấp: 19/09/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

➢ Giới tính : Nam

➢ Ngày tháng năm sinh : 27/01/1965

➢ Nơi sinh : Thái Nguyên

➢ Quốc tịch : Việt Nam

➢ Dân tộc : Kinh

➢ Quê quán : Yên Sơn - Đô Lương – Nghệ An

➢ Địa chỉ thường trú : Tổ 5, phường Trung Thành – Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên

➢ Số điện thoại liên lạc : 0913554871

➢ Trình độ văn hóa : 10/10

➢ Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Cơ khí chế tạo	Đại học Công nghiệp Thái Nguyên

➢ Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1994	Công ty Gang thép Thái Nguyên	Kỹ thuật viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 - 2007	Công ty liên doanh NatSteel Vina	TP bảo dưỡng sửa chữa cơ
2007 - 2010	Công ty liên doanh NatSteel Vina	TP Sản xuất

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại tổ chức khác: TP Sản xuất Công ty liên doanh NatSteel Vina
- Số cổ phần nắm giữ: 95.295 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - Anh ruột - Tăng Nguyên Ngọc Số CP nắm giữ: 128.507 cổ phần
  - Em ruột : Tăng Minh Hà Số CP nắm giữ : 21.981 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Vũ Trường Sơn

- Họ và tên : Vũ Trường Sơn
- Số CMND : 011245595 Ngày cấp: 09/05/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/07/1967
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Hậu – Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số 49 Nguyễn Thái Học – Ba Đình – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 0211.2219131
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo

Cử nhân	Chế tạo máy mỏ	Đại học Mỏ Địa chất
Cử nhân	Tài chính Doanh nghiệp	Đại học Kinh tế quốc dân

➢ Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1999	Xưởng Thực nghiệm Công nghệ Khoáng sản	Phó Xưởng trưởng
1999 – 2004	Xưởng Chế biến Khoáng sản Yên Viên	Phó Xưởng trưởng
2004 – 2005	Phòng kinh doanh	Trưởng phòng
2005 đến nay	Xí nghiệp Cơ khí 2	Giám đốc

➢ Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí 2

➢ Chức vụ tại tổ chức khác: không có

➢ Số cổ phần nắm giữ : 44.677 cổ phần

➢ Số cổ phần của những người có liên quan: không

➢ Các khoản nợ đối với Công ty: không

➢ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định

➢ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

➢ Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Xuân Quản

➢ Họ và tên : Đặng Xuân Quản

➢ Số CMND : 100669747 Ngày cấp: 23/08/1995 Nơi cấp: CA Nam Định

➢ Giới tính : Nam

➢ Ngày tháng năm sinh : 20/10/1966

➢ Nơi sinh : Nam Định

➢ Quốc tịch : Việt Nam

➢ Dân tộc : Kinh

➢ Quê quán : Nam Thắng – Nam Trực – Nam Định

➢ Địa chỉ thường trú : Số 7 Ngõ 105, Chương Dương, Hoàn Kiếm , Hà Nội

➢ Số điện thoại liên lạc : 0912.842.465

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Kế toán Doanh nghiệp Sản xuất	Học viên Tài chính Kế toán

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 – 1998	Đoàn Địa chất 911	Nhân viên
1998 – 2002	Công ty KS 911	Kế toán tổng hợp
2002 – 2003	Công ty PT Khoáng sản	Phụ trách kế toán
2003 đến nay	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	Phụ trách kế toán Hà Nam, Kế toán trưởng Công ty

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ : 11.957 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.2. Ban Tổng Giám đốc

13.2.1. Tổng Giám đốc – Ông Tăng Nguyên Ngọc

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở Mục 13.1.1.

13.2.2. Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Văn Dự

- Họ và tên : Nguyễn Văn Dự
- Số CMND : 011303973 Ngày cấp: 09/01/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/1953
- Nơi sinh : Hà Nam

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Lục, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Số điện thoại liên lạc : 03513 880058
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Lưu trữ	ĐH Tổng hợp Hà Nội

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1978 – 1982	Học tại trường ĐH Tổng hợp	
1983 – 1987	Tổng cục Mỏ Địa chất	Nhân viên lưu trữ
1987 – 1991	Lao động tại CH Bulgari	
1992 – nay	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	Xưởng trưởng Giám đốc Xí nghiệp

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ : 23.723 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.3. Ban kiểm soát

13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Quốc Đệ

- Họ và tên : Trần Quốc Đệ

- Số CMND : 140524618 Ngày cấp: 05/09/2008 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1961
- Nơi sinh : Gia Lộc – Hải Dương.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Gia Lộc – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Số 12A Thị trấn Gia Lộc, Gia Lộc, Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc : 0949584751
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Chế biến gỗ	CH Slovakia

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 1991	Công ty Hợp tác Lâm nghiệp Việt Lào Thừa Thiên Huế	Trưởng ca
1991 - 1999	Công ty Hợp tác Lâm nghiệp Việt Lào Quảng Bình	Phó Trưởng phòng Kế hoạch
1999 - 2008	Lao động tự do	
2008 đến nay	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	PGĐ Nhà máy Hợp kim sắt Tuyên Quang

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát kiêm PGĐ Nhà máy Hợp kim sắt Tuyên Quang
- Chức vụ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ : 13.306 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Lương Văn Lĩnh

- Họ và tên : Lương Văn Lĩnh
- Số CMND : 100599745 Ngày cấp: 31/01/2002 Nơi cấp: CA Quảng Ninh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31/10/1972
- Nơi sinh : Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị trấn Lai Cách – huyện Cẩm Giàng – Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : SN 74 ngõ 173/68 đường Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 043.8770012.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Thuế	Đại học Tài chính Kế toán HN

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1997 – 04/2008	Cục thuế Quảng Ninh	Nhân viên
05/2008 -10/2009	Tổng cục thuế	Nhân viên
11/2009 đến nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV	Kế toán viên

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán viên Tổng Công ty Khoáng sản
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Trần Thị Liên An

- Họ và tên : Trần Thị Liên An
- Số CMND : 012306516 Ngày cấp: 24/11/1999 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/12/1977
- Nơi sinh : Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tam Đảo – Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Phường Bách Khoa – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 043.9331578.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Tài chính – Kế toán	Học viên Tài chính kế toán

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1999	Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí Mỏ	Kế toán
05/2005 – 2008	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	Kế toán, thư ký Công ty
07/2008 đến nay	CTCP Khoáng sản và Cơ khí	Trưởng phòng Tiêu thụ sản phẩm và Phân tích thị trường

- Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Tiêu thụ sản phẩm và Phân tích thị trường
- Chức vụ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ : 21.042 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.4. Kế toán trưởng

Ông Đặng Xuân Quản: Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở Mục 13.1.5.

14. Tài sản

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Giá trị tài sản cố định của MIMECO tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**18.034**	**9.929**	**55,06%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.188	1.638	31,57%
Máy móc thiết bị	7.023	4.528	64,47%
Phương tiện vận tải	5.645	3.754	66,50%
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản cố định hữu hình khác	178	9	5,06%
Tài sản cố định vô hình	**1.163**	**301**	**25,88%**
Tài sản cố định vô hình khác	1.163	301	25,88%
Tổng cộng	**19.197**	**10.230**	**53,29%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009 của MIMECO

14.2. Danh sách bất động sản của Công ty

Không có.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của MIMECO trong giai đoạn 2009 – 2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	Năm 2010	Năm 2011
Vốn điều lệ[6]	Tr.đồng	16.758,74	31.000	40.000
Doanh thu thuần	Tr.đồng	46.679	76.170	160.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.206	6.673	14.000
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.735	5.004	10.500
LNST/Doanh thu thuần	%	8,00%	6,56%	6,50%
LNST/Vốn điều lệ	%	22,29%	23,75%	26,25%
Cổ tức/Vốn điều lệ	%	16%	16%	20%

Nguồn: MIMECO

Kế hoạch tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 đã thông qua việc phát hành 1.067.105 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 20.328.950.000 đồng lên 31.000.000.000 đồng, trong đó: phát hành 325.263 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2009 và phát hành 741.842 cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá cổ phần.
- Thời gian tăng vốn: sau khi MIMECO niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Thị trường tiêu thụ của Công ty khá ổn định. Công ty có nhiều bạn hàng truyền thống như Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam, Công ty Anphal Nhật Bản, Công ty L.Q Joton, Công ty Xây dựng 473 – Cienco 4, Công ty Pin Hà Nội, Công ty Vật tư Mỏ địa chất, Công ty Long Giang, Công ty cổ phần Xi măng Bút Sơn, … Đặc biệt trong những năm qua việc bán hàng xuất khẩu sản phẩm mangan chế biến sâu cho khách hàng Nhật Bản mang lại hiệu quả ổn định và lâu dài. Riêng các sản phẩm có nguồn gốc từ mangan, sản xuất không kịp đáp ứng nhu cầu của khách hàng, sản xuất tới đâu tiêu thụ tới đó. Do đó, trong những năm tới, thị trường tiêu thụ này sẽ đảm bảo tốt việc thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ của Công ty.
- Ngoài thị trường truyền thống này, Công ty còn mở rộng thị phần tiêu thụ cho các đơn vị khác. Công ty không ngừng tạo dựng hình ảnh tốt đẹp, nâng cao tính ổn định, an toàn trong sản xuất kinh doanh, tạo uy tín của Công ty đối với khách hàng trong và ngoài nước.
- Công ty xây dựng được một hệ thống các nội quy, quy chế tổ chức quản lý chi phí

[6] Vốn điều lệ của MIMECO tại thời điểm hiện nay (tháng 04/2010) là 20.328.950.000 đồng.

vật tư, nguyên nhiên vật liệu và đã thực hiện có hiệu quả trong những năm qua.

- Ổn định và phát triển các vùng Mỏ bằng cách đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thăm dò tài nguyên nhằm tăng trữ lượng để khai thác ổn định sản xuất lâu dài và hiệu quả.
- Tăng cường áp dụng công nghệ tin học vào quản lý và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 – 2000.
- Nhà máy hợp kim sắt MIMECO – Tuyên Quang bắt đầu đi vào hoạt động và có thể đưa sản phẩm ra cung cấp ngoài thị trường. Việc đầu tư Nhà máy hợp kim sắt MIMECO – Tuyên Quang đang thực hiện theo đúng tiến độ. Theo đó, cuối năm 2010, nhà máy sẽ đưa sản phẩm fero mangan vào thị trường tiêu thụ..Năm 2009 doanh thu của Công ty đạt 46.679 triệu đồng, năm 2010 doanh thu dự kiến 76.170 triệu đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm fero mangan là 16.000 triệu đồng, năm 2011 doanh thu dự kiến 160.000 triệu đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm fero mangan là 100.000 triệu đồng. Dự kiến những năm tiếp theo, khi đưa vào hoạt động nhà máy này, Ban Lãnh đạo Công ty đang kỳ vọng với một chu trình công nghệ khép kín từ việc đưa nguồn quặng đầu vào tự khai thác, Công ty quản lý và sản xuất ra sản phẩm cuối cùng, lợi nhuận thu về mang tính hiện thực cao.

16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí được MIMECO tính toán dựa trên vị thế, thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đang hoạt động, triển vọng của ngành và sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam. Kế hoạch này phụ thuộc vào chính khả năng cạnh tranh của Công ty cũng như khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nói chung trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên của WTO.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, cùng với việc phân tích thị trường, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí dự kiến trong giai đoạn 2010 – 2011 là có thể đạt được nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được và những yếu tố bất khả kháng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết là 2.032.895 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

100% số cổ phiếu của HĐQT, BTGĐ, BKS, Kế toán trưởng (357.667 cổ phiếu) bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này (178.836 cổ phiếu) bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Tăng Nguyên Ngọc	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	128.507	64.254
2	Đào Minh Sơn	Thành viên HĐQT	19.160	9.580
3	Tăng Minh Sơn	Thành viên HĐQT	95.295	47.648
4	Vũ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	44.677	22.339
5	Đặng Xuân Quản	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	11.957	5.979
6	Nguyễn Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc	23.723	11.862
7	Trần Quốc Đệ	Trưởng BKS	13.306	6.653
8	Lương Văn Lĩnh	Thành viên BKS	0	0
9	Trần Thị Liên An	Thành viên BKS	21.042	10.521
Tổng cộng			**357.667**	**178.836**

5. Phương pháp tính giá

Giá sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn chủ sở hữu- Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 của MIMECO, giá sổ sách của một cổ phiếu MIMECO được tính như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (1)	25.114.044.272	28.621.115.898	30.902.460.032
Nguồn kinh phí và quỹ khác (2)	0	0	0
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (3)	1.675.874	1.675.874	2.032.895
Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (4) = [(1) - (2)] / (3)	14.986	17.078	15.201

Nguồn: MIMECO

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Sau khi cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên SGDCK Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Thuế Giá trị gia tăng: đối với lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 12 ngõ 2 Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3974 5081 Fax: (04) 3974 5083

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3 821 8666 Fax: (08) 3 914 4372

Website : www.dag.vn Email: das@dag.vn

Chi nhánh Hà Nội : 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại : (04) 3 944 5175 Fax: (04) 3 944 5178

Chi nhánh Chợ Lớn : 110C Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3 853 9623 Fax: (08) 3 853 9624

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty

Phụ lục II : Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

Phụ lục IV : Quy chế quản trị công ty

Phụ lục III : Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009

Phụ lục V : Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS và Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG NGUYÊN NGỌC

KẾ TOÁN TRƯỞNG **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

ĐẶNG XUÂN QUẢN **TRẦN QUỐC ĐỆ**

TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM